

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
PHỤ LỤC 01 BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG BAN HÀNH CHÍNH - NHÂN SỰ

Trần Văn Minh

Mẫu số B02A/VAMC
(Ban hành theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN
Ngày 19/12/2014 của Thống đốc NHNN)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Số tại 30/6/2020	Số tại 01/01/2020
1	2	3	4	5
A	Tài sản			
I	Tiền mặt, tiền gửi các TCTD	V 1	9.087.042.588.666	12.163.939.441.516
1	Tiền mặt		147.578.271	223.977.216
2	Tiền gửi không kỳ hạn		85.262.958.208	1.811.672.181.646
3	Tiền gửi có kỳ hạn		1.419.000.000.000	2.000.000.000
4	Tiền thu hồi nợ đang bị phong tỏa (Số tiền thu hồi, xử lý các khoản nợ chưa chuyển trả cho TCTD do chưa thanh toán TPĐB)		7.582.632.052.187	10.350.043.282.654
II	Cung cấp tài chính		0	0
1	Cung cấp tài chính		0	0
2	Dự phòng rủi ro (*)		0	0
III	Đầu tư tài chính		0	0
1	Mua trái phiếu doanh nghiệp		0	0
2	Đầu tư tài chính khác		0	0
3	Dự phòng rủi ro đầu tư tài chính (*)		0	0
IV	Nợ mua		94.472.006.218.758	114.234.666.822.148
1	Nợ mua bằng TPĐB	V 2	91.106.939.630.287	110.693.856.833.688
2	Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPĐB	V 3	3.423.771.911.368	3.599.515.311.357
2	Dự phòng rủi ro đối với khoản nợ mua (*)		-58.705.322.897	-58.705.322.897
V	Góp vốn, đầu tư dài hạn		0	0
1	Đầu tư vào công ty con		0	0
2	Vốn góp liên doanh		0	0
3	Đầu tư vào công ty liên kết		0	0
4	Đầu tư dài hạn khác		0	0
5	Dự phòng giảm giá đầu tư		0	0
VI	Tài sản cố định	V 5	2.213.786.247	2.628.290.480
1	Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)		2.213.786.247	2.628.290.480
	- Nguyên giá 1. Tài sản cố định hữu		8.561.075.132	8.561.075.132

1042
CƠ
RACH
LỢI TI
AN LÝ
ỐC CH
VI
DANK

M.S.D.N.
Q.2
Q.1
Q.3
Q.4

lu

1	Vốn của VAMC		4.248.000.000.000	4.248.000.000.000
a	Vốn điều lệ		4.248.000.000.000	4.248.000.000.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
c	Vốn khác		0	0
2	Quỹ của VAMC	V 8	54.886.517.436	2.942.136.573
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	0
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế		23.508.806.336	140.871.089.519
	Tổng cộng nguồn vốn		103.570.534.976.244	126.839.882.716.885

Ghi chú: Bảng cân đối kế toán đã được bù trừ công nợ nội bộ giữa Trụ sở chính VAMC với Chi nhánh VAMC tại Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 578.995.352.131 đồng (gồm Phải thu nội bộ/Phải trả nội bộ về kinh phí hoạt động: 9.500.000.000 tỷ đồng; Phải thu nội bộ/Phải trả nội bộ về mua bán nợ không phải trái phiếu đặc biệt: 487.384.552.131 đồng; Phải thu nội bộ/Phải trả nội bộ về hoạt động khác: 82.110.800.000 đồng).

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số tại 30/6/2020	Số tại 01/01/2020
005	Nợ mua bằng TPDB		219.470.216.992.626	253.682.991.400.821
0051	Nợ gốc		97.653.702.915.358	117.268.260.365.377
0052	Nợ lãi		121.816.514.077.267	136.414.731.035.444
006	Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPDB		6.679.763.838.823	7.656.464.759.121
0061	Nợ gốc		3.533.140.078.417	4.037.280.977.515
0062	Nợ lãi		3.146.623.760.406	3.619.183.781.606
008	Tài sản đảm bảo của các khoản nợ mua		188.783.117.070.758	219.883.671.918.254
0081	Tài sản thế chấp, cầm cố VAMC đang quản lý		7.428.492.984.211	8.337.765.754.211
0082	Tài sản thế chấp cầm cố VAMC đã ủy quyền cho TCTD		181.354.624.086.547	211.545.906.164.043
	Tổng cộng:		414.933.097.902.207	481.223.128.078.196

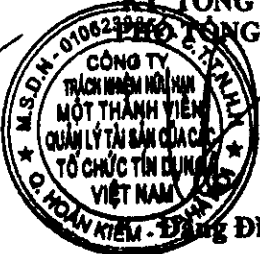
Lập, ngày tháng năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU


Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Lê Văn Hùng

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đang Đình Thích

Mẫu số B03A/VAMC
(Ban hành theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN
Ngày 19/12/2014 của Thống đốc NHNN)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II và lũy kế năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

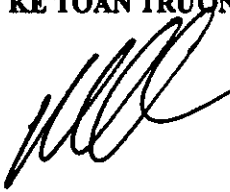
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2020	Năm 2019	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ hoạt động mua nợ bằng TPĐB		-	-	-	-
Chi phí hoạt động mua nợ bằng TPĐB		-	-	7.888.000	25.750.000
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua nợ bằng TPĐB	VI 1	-	-	(7.888.000)	(25.750.000)
Doanh thu từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường		47.108.288.842	201.134.118.289	198.739.402.046	247.183.118.289
Giá vốn của khoản nợ đã được thu hồi		35.719.996.351	200.368.617.029	175.956.395.989	246.472.197.029
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường	VI 1	11.388.292.491	765.501.260	22.783.006.057	710.921.260
Doanh thu hoạt động tài chính	VI 1	16.501.107.413	82.823.173	28.427.245.887	1.600.026.461
Chi phí tài chính		-	550.000	-	550.000
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động tài chính		16.501.107.413	82.273.173	28.427.245.887	1.599.476.461
Thu nhập khác	VI 1	2.500.000	264.876.102	5.457.500	266.876.102
Chi phí khác		1	8	1	188
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác		2.499.999	264.876.094	5.457.499	266.875.914
Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI 2	14.794.666.716	15.971.558.772	31.760.167.349	31.810.856.498
Lợi nhuận/lỗ		13.097.233.187	(14.858.968.245)	19.447.654.894	(29.259.332.863)

Lập, ngày tháng năm 2020

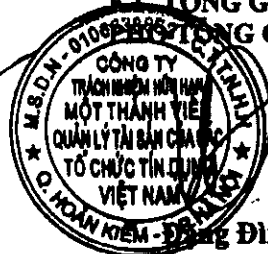
NGƯỜI LẬP BIỂU


Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Lê Văn Hùng

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
KT TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Đình Thích

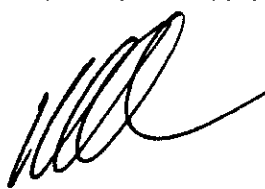
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.076.896.852.850)	(783.873.653.662)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
3. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ			
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác (*)		-	-
5. Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm thu bán, thanh lý vốn công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác		-	-
6. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư góp vốn dài hạn			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn ngân sách		-	-
2. Tăng giảm các khoản cho vay, cung cấp tài chính, mua các công cụ nợ (*)			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.076.896.852.850)	(783.932.833.662)
V. Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các TCTD, tiền đang chuyển đầu kỳ		12.163.939.441.516	14.349.941.970.574
VI. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
VII. Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các TCTD, tiền đang chuyển cuối kỳ		9.087.042.588.666	13.566.009.136.912

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Văn Hùng

Lập, ngày tháng năm 2020

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐINH ĐÌNH THÍCH



Đinh Đình Thích

PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính)

Mẫu số 02B-DN

Đơn vị chủ sở hữu: Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam

Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

QUÍ II NĂM 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp tại 01/01/2020	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển qua 01/7/2020
A	B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
I	Thuế	10	936.824.103	2.969.523.517	3.395.363.149	510.984.471
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11			-	-
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4	Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
5	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15				-
6	Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
7	Thuế Nhà đất	17	-	-	-	-
8	Tiền thuế đất	18	-	-	-	-
9	Các khoản thuế khác	19	936.824.103	2.969.523.517	3.395.363.149	510.984.471
	Thuế môn bài		-	4.000.000	4.000.000	-
	Thuế thu nhập cá nhân		936.824.103	2.965.523.517	2.668.283.257	1.234.064.363
	Các loại thuế khác		-	-	-	-
II	Các khoản phải nộp khác	30	-	73.585.752.722	73.585.752.722	-
1	Các khoản phụ thu	31				-
2	Các khoản phí, lệ phí	32				-
3	Các khoản khác	33				-
4	Thu điều tiết					-

5	Các khoản nộp phạt					
6	Nộp khác			73.585.752.722	73.585.752.722	
	TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	936.824.103	76.555.276.239	76.981.115.871	510.984.471

Lập, ngày tháng năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

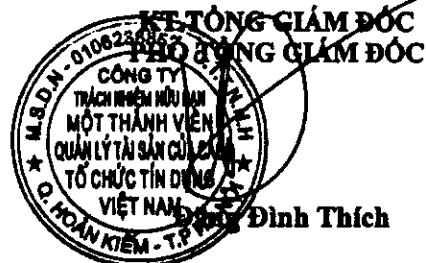


Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Văn Hùng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Mẫu số B05A/VAMC

(Ban hành theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN
Ngày 19/12/2014 của Thống đốc NHNN)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Quý II năm 2020)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tín dụng Việt Nam (VAMC) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các Nghị định sửa đổi, bổ sung. Quyết định số 1459/QĐ-NHNN ngày 27/6/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tín dụng Việt Nam. Mã số doanh nghiệp: 0106238852 do sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp.

Theo Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 27/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, tăng vốn điều lệ của VAMC và Quyết định số 2711/QĐ-NHNN ngày 30/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước về việc bổ sung vốn điều lệ cho VAMC lên 5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng). Vốn điều lệ đã được cấp bổ sung đến ngày 31/12/2019 là 4.248.000.000.000 VND (Bốn nghìn hai trăm bốn tám tỷ đồng).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng.
- Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản đảm bảo.
- Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay.
- Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty quản lý tài sản thu nợ.
- Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản đảm bảo có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay.
- Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản.
- Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần.

310
THÁI
MỘT
JAN
TỔC
C
THAN
VIÊN
CÁC
TUNG
P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

- Tổ chức bán đấu giá tài sản.
- Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng.
- Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của công ty, sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

3. Hội đồng thành viên

- Ông Nguyễn Tiến Đông – Chủ tịch HĐQT;
- Ông Đoàn Văn Thắng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;
- Ông Lê Quang Châu – Thành viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Văn Toàn – Thành viên HĐQT.

4. Ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng Ban kiểm soát;
- Bà Nguyễn Thị Quyết – Thành viên Ban kiểm soát.

5. Ban Điều hành

- Ông Đoàn Văn Thắng – Tổng Giám đốc;
- Ông Đặng Đình Thích – Phó Tổng Giám đốc;
- Ông Đỗ Giang Nam – Phó Tổng Giám đốc.

6. Tổng số cán bộ, công nhân viên

Tính đến ngày 30/6/2020 tổng số cán bộ, công nhân viên của VAMC là 173 người (trong đó có 19 người làm việc tại Chi nhánh TP Hồ Chí Minh).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ và hình thức kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính quý II năm 2020 của Công ty được lập theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Thông tư số 42/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của VAMC.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được phản ánh trong báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc.

3. Kế toán mua, bán nợ xấu và phát hành trái phiếu đặc biệt

Các khoản nợ xấu VAMC mua bằng trái phiếu đặc biệt theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ và nghị định sửa đổi, bổ sung; Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD; Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

lha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Cuối mỗi quý, VAMC và TCTD bán nợ phải thực hiện đối chiếu nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt và đảm bảo khớp đúng số liệu, bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau: Số tiền thu hồi nợ mua; số nợ vay đã chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp, số dư nợ gốc, nợ lãi còn phải thu hồi; tài sản bảo đảm; số nợ thu hồi đã trả nợ vay tái cấp vốn của TCTD bán nợ, phí VAMC được hưởng, phải thu, phải trả giữa VAMC và TCTD bán nợ (nếu có).

Khi thanh toán trái phiếu đặc biệt, VAMC và TCTD bán nợ phải thực hiện đối chiếu, xác nhận toàn bộ số liệu công nợ có liên quan đến khoản nợ xấu đã mua, bán (bao gồm cả phí VAMC được hưởng) đảm bảo chính xác, khớp đúng và quyết toán các khoản phải thu, phải trả giữa VAMC và TCTD bán nợ.

VAMC mở tài khoản chi tiết thuộc tài khoản:

Tài khoản 1321- Nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt theo từng TCTD;

Tài khoản 343- Trái phiếu đặc biệt phát hành theo từng TCTD.

4. Kế toán mua, bán nợ xấu bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt (mua nợ xấu theo giá trị thị trường)

Các khoản nợ xấu VAMC mua không bằng trái phiếu đặc biệt theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ và nghị định sửa đổi, bổ sung; Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD; Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

VAMC mở tài khoản chi tiết thuộc tài khoản: Tài khoản 1322-Nợ mua bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt theo từng TCTD.

Định kỳ (15/12 hàng năm), Công ty tiến hành trích lập dự phòng đối với các khoản nợ mua bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Điều 47, Thông tư số 14/2015/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam.

Dự phòng đối với từng khoản nợ xấu được mua theo giá thị trường từ ngày 31 tháng 12 (R) được Công ty trích lập theo số dư của các khoản nợ này tại ngày 15 tháng 12 hàng năm theo công thức sau:

$$R = (A - C) \times r$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Trong đó:

- a) A là giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại Công ty Quản lý tài sản tại thời điểm ngày 15 tháng 12 hằng năm; C là giá trị khấu trừ tài sản bảo đảm của khoản nợ; r là tỷ lệ trích lập dự phòng do Hội đồng thành viên quyết định nhưng không thấp hơn 5%;
- b) Trường hợp $C > A$ thì R được tính bằng 0;
- c) Trường hợp một tài sản được bảo đảm cho nhiều khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản xác định tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm cho từng khoản nợ xấu C được tính là giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm nhân với tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

- Phải trả các Tổ chức tín dụng về số tiền thu hồi nợ: Căn cứ vào số tiền các TCTD thu hồi nợ gốc, nợ lãi của khách hàng và chuyển vào Tài khoản phong toả của VAMC mở tại các TCTD và sổ phụ các TCTD chuyển cho VAMC.
- Phải trả người bán: Dựa trên hàng hoá và dịch vụ mà VAMC mua đã nhận nhưng chưa thanh toán.
- Phải trả hoạt động mua bán nợ theo giá trị thị trường.

6. Nguyên tắc cơ cấu lại nợ

Nguyên tắc cơ cấu lại nợ: Theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

7. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 45/2013/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	1,5 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Tài sản cố định khác	03-05

8. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy vi tính	03-05
Tài sản cố định vô hình khác	03-05

9. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau: (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

lha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng TPĐB được ghi nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 53/2013/NĐ-CP, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 18/2016/NĐ-CP, Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước và Thông tư số 01/2017/TT-BTC ngày 05/01/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 8499/NHNN ngày 14/11/2013 của Ngân hàng Nhà nước. VAMC được ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước và Thông tư số 01/2017/TT-BTC ngày 05/01/2017 của Bộ Tài chính. Doanh thu từ hoạt động mua, bán nợ theo giá thị trường bằng nguồn vốn không phải TPĐB bao gồm: đòi nợ, khách hàng trả; bán nợ, tài sản bảo đảm; sử dụng khoản nợ để góp vốn, mua cổ phần; hoạt động cho thuê, khai thác tài sản. Doanh thu từ bán nợ, bán tài sản đảm bảo các khoản nợ mua theo giá thị trường: VAMC hạch toán, ghi nhận doanh thu theo hợp đồng đã ký kết.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền gửi có kỳ hạn (đầu tư tài chính ngắn hạn), được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi có kỳ hạn và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của ngân hàng.

Gián vốn:

Phản ánh giá mua khoản nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB được thu hồi trong kỳ hạch toán theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BTC ngày 05/01/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước.

Chi phí

Chi phí của công ty hầu hết là chi phí quản lý doanh nghiệp, chủ yếu là chi cho nhân viên (các khoản chi về tiền lương, tiền công, bảo hiểm,...) và chi phí về tài sản. Các khoản chi nhỏ còn lại là chi phí đồ dùng văn phòng, văn phòng phẩm và chi khác.

10. Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

Thuế Giá trị gia tăng

[Chữ ký]



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) Công ty thực hiện theo Luật thuế Giá trị gia tăng và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty thực hiện theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương (Cục thuế Thành phố Hà Nội) theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó các bên liên quan của Công ty bao gồm: Là nhà quản lý (các cơ quan quản lý Nhà nước) các tổ chức tín dụng có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thành viên HĐQT và Ban điều hành của Công ty.

CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN
Số 22 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ II
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN MẶT, TIỀN GỬI CÁC TCTD

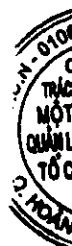
	Tại ngày 30/6/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	147.578.271	223.977.216
Tiền gửi không kỳ hạn	85.262.958.208	1.811.672.181.646
Tiền gửi có kỳ hạn	1.419.000.000.000	2.000.000.000
Tiền gửi tại TK phong tỏa của các TCTD chờ thanh toán TPĐB	7.582.632.052.187	10.350.043.282.654
Cộng	9.087.042.588.666	12.163.939.441.516

2. NỢ MUA BẢNG TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT

	Tại ngày 30/6/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nợ mua bằng TPĐB	98.426.126.313.241	120.721.115.453.620
Nợ mua bằng TPĐB đã thu hồi	(7.319.186.682.954)	(10.027.258.619.933)
Nợ mua bằng TPĐB chưa thu hồi	91.106.939.630.287	110.693.856.833.687

3. NỢ MUA BẢNG NGUỒN VỐN KHÔNG PHẢI TPĐB

	Tại ngày 30/6/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPĐB	3.423.771.911.368	3.599.515.311.357
Dự phòng rủi ro	(58.705.322.897)	(58.705.322.897)
	3.365.066.588.471	3.540.809.988.460



238
CỘNG HÒA
THÀ
Y TÀI
CHỨC
VIỆT
KIỂM

[Handwritten signature]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại ngày 30/6/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu về hoạt động mua bán nợ (*)	5.390.645.986	437.458.668.113
Tạm ứng	3.201.508.885	473.121.711
Phải thu khác	662.320.902	640.809.091
Lãi phải thu từ hoạt động tài chính		
Cầm cổ ký quỹ, ký cược		
Chi phí chờ phân bổ	7.906.800	65.563.826
Tài sản khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	9.272.382.573	438.648.162.741

(*) Chi tiết các phải thu về hoạt động mua bán nợ

	Tại ngày 30/6/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
- Phải thu về mua bán nợ mua bằng nguồn vốn TPĐB	5.390.645.986	39.385.883.503
- Phải thu về mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB		398.072.784.610
	5.390.645.986	437.458.668.113

388
NG 1
HÀNH
TÀI SẢN
TỔNG NỢ
TỔNG NỢ

52
TY
HỮU
H V
AN C
IN D
NAM
T.P

Vol

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020		2.582.014.278	5.979.060.854			8.561.075.132
Mua trong kỳ						
Tăng do phân loại lại						
Giảm do phân loại lại						
Giảm khác (*)						
Tại ngày 30/6/2020		2.582.014.278	5.979.060.854			8.561.075.132
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020		1.827.054.958	4.105.729.694			5.932.784.652
Khấu hao trong kỳ		194.317.949	220.186.284			414.504.233
Giảm do phân loại lại						
Giảm khác						
Tại ngày 30/6/2020		2.021.372.907	4.325.915.978			6.347.288.885
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020		754.959.320	1.873.331.160			2.628.290.480
Tại ngày 30/6/2020		560.641.371	1.653.144.876			2.213.786.247

1/1/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

6. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

	Tại ngày 30/6/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả về mua bán nợ mua bằng nguồn vốn TPĐB	7.582.632.052.187	10.350.043.282.654
Phải trả về mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB		964.412.502.367
Phải trả người lao động	6.558.561.387	16.568.369.932
Thuế và các khoản phải nộp NSNN	510.984.471	936.824.103
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	6.848.546.276	7.748.664.760
Các khoản phải trả khác	405.148.554.576	3.013.290
Nhận ký quỹ, ký cược	135.501.323.288	414.500.000.000
Dự phòng rủi ro	58.705.322.897	58.705.322.897
Cộng	8.195.905.345.082	11.812.917.980.003

7. MỆNH GIẢ TPĐB PHÁT HÀNH

	Tại ngày 30/6/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Loại thời hạn 5 năm	45.515.017.182.346	64.357.091.648.484
Loại thời hạn khác	52.911.109.130.895	56.364.023.805.136
Cộng	98.426.126.313.241	120.721.115.453.620

Ban

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn Điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Chênh lệch thu - chi	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.248.000.000.000	2.942.136.573		140.871.089.519	4.391.813.226.092
Tăng trong kỳ		51.944.380.863		(32.496.726.769)	19.447.654.094
Tăng vốn trong kỳ					
Lợi nhuận tăng/giảm trong kỳ				19.447.654.094	19.447.654.094
Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước		51.944.380.863		(51.944.380.863)	
Tạm trích lập các quỹ dự trữ cho kỳ					
Các khoản tăng khác				84.865.556.414	84.865.556.414
Giảm trong kỳ				6.986.439.000	6.986.439.000
Sử dụng trong kỳ (trích lập quỹ)				4.020.364.692	4.020.364.692
Các khoản giảm khác				73.858.752.722	73.858.752.722
Nộp NSNN lợi nhuận sau thuế, đã trích quỹ theo quy định					
Số dư cuối kỳ	4.248.000.000.000	54.886.517.436		23.508.806.336	4.326.395.323.772

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

1. DOANH THU

	Quý 2 năm 2020 VND	Quý 2 năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.108.288.842	201.134.118.289
Doanh thu tài chính (đầu tư TC ngắn hạn)	16.501.107.413	82.823.173
Thu nhập khác	2.500.000	264.876.102
	63.611.896.255	201.481.817.564

Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019
VND	VND
10.274.745.285	9.486.842.821
8.825.452.946	8.146.763.190
981.501.619	933.294.265
110.183.000	85.528.150
383.547.275	878.131.847
187.608.945	365.952.317
4.136.374.156	5.606.584.104
14.794.666.716	15.971.558.772

#2-
TY
HUBH
4 VI
N CUM
N DUY
AM
-T.P.

52-0
TY
HƯU HẠM
H VI
N CƯA
N DUN
NAM
-TPH

Blue

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý 2 Năm 2020	Quý 1 Năm 2020
I. Tổng số cán bộ, CNV (bình quân quý)	Người	173	172
II. Thu nhập của cán bộ, CNV			
1. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	8.825	8.872
2. Thu nhập khác	Triệu đồng	-	-
3. Tổng thu nhập (1+2)	Triệu đồng	8.825	8.872
4. Tiền lương bình quân	1.000 đ/người	17.005	17.194
5. Thu nhập bình quân	1.000 đ/người	17.005	17.194

2. THÔNG TIN KHÁC

Từ khi thành lập và đi vào hoạt động đến nay, hàng năm VAMC đều được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Ngọc Thạch

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Văn Hùng

Lập, ngày tháng năm 2020



Đặng Đình Thích